

Số: 2517/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 14 tháng 10 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư Hải Vân Lương, huyện Quỳnh Phụ (Giai đoạn I) tại thị trấn Quỳnh Côi và xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư Hải Vân Lương, huyện Quỳnh Phụ (Giai đoạn I) họp ngày 04/10/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 37/BQLDA-CV ngày 8/10/2021 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 463/TTr-STNMT ngày 12/10/2021.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư Hải Vân Lương, huyện Quỳnh Phụ (Giai đoạn I) tại thị trấn Quỳnh Côi và xã Quỳnh Hải, huyện Quỳnh Phụ do Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ (là Chủ dự án) với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ có trách nhiệm:

Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Quỳnh Côi, Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lai Văn Hoàn

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
*(Kèm theo Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**1. Thông tin về Dự án:**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư Hải Vân Lương, huyện Quỳnh Phụ (Giai đoạn I).

- Chủ dự án: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Quỳnh Phụ.

Địa chỉ: Số 215 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Quỳnh Hải và thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Phạm vi, quy mô Dự án:

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 98.519,9 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích quy hoạch của khu III 92.818,9 m<sup>2</sup>; diện tích quy hoạch phần đường số 04: 5.701 m<sup>2</sup>).

- Các hạng mục, công trình chính của Dự án:

+ San nền: 98.519,9 m<sup>2</sup>.

+ Xây dựng đường giao thông thuộc quy hoạch khu III: 46.755,9 m<sup>2</sup>.

+ Xây dựng phần đường quy hoạch số 04: 5.701 m<sup>2</sup>

**2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án.**

**2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án.**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt; mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

**2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:**

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải xây dựng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày đêm; nước thải sinh hoạt 2,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 337,62 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:**

- Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết chất thải sinh hoạt và khu xử lý nước thải tập trung.

#### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải thông thường:

- Giai đoạn xây dựng: Chất thải rắn là đất từ quá trình bóc tách lớp đất hữu cơ bề mặt 18.893,02 tấn; chất thải xây dựng 77,15 tấn; thực vật 9,7 tấn; chất thải sinh hoạt 15 kg/ngày.đêm.

- Chất thải rắn thông thường: Chất rắn sinh hoạt khoảng 501 kg/ngày.đêm; bùn thải phát sinh từ quá trình vận hành trạm xử lý nước thải khoảng 26,1 kg/ngày.đêm.

#### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 15 kg/tháng.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 166,6 kg/năm.

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

#### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải xây dựng được xử lý bằng các hố lắng tạm thời, khoảng cách tối thiểu giữa các hố từ 20-25 m; nước thải sinh hoạt sử dụng 06 nhà vệ sinh di động loại 2 buồng để thu gom và lưu chứa chất thải phát sinh, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực đến thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, thu gom bằng đường cống bê tông cốt thép chịu lực đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT cột A giá trị C.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom T1 → Bể tách mỡ T2 → Bể điều hòa T3 → Bể Anoxic T4 → Bể MBBR T5 → Bể Aerotank T6 → Bể lắng sinh học T7 → Bể khử trùng T8 → Nguồn tiếp nhận.

Kích thước các bể (dài x rộng x cao (m)): Bể thu gom T1 (3,7 x 2,5 x 4), Bể tách mỡ T2 (4,65 x 1,75 x 4), Bể điều hòa T3 (6,7 x 5,1 x 3,5), Bể Anoxic T4 (4,7 x 4,65 x 3,5), Bể MBBR T5 (4,7 x 3,4 x 3,5), Bể Aerotank T6 (6,35 x 4,7 x 3,5), Bể lắng sinh học T7 (4,1 x 4,1 x 3,5), Bể khử trùng T8 (4,1 x 1,2 x 3,5), Bể nén bùn T9 (4,25 x 4,1 x 3,5).

#### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện đồng bộ các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải từ các nguồn phát sinh như san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng như: Phun tưới ẩm tại các khu vực thi công, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, quy định tốc độ xe vận chuyển không quá 5 km/giờ trong khu vực thi công, dọn vệ sinh, che phủ các vị trí tập kết nguyên liệu, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành:

Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải từ công trình xử lý nước thải tập trung: đầu tư trạm xử lý khí, mùi công suất 800 m<sup>3</sup>/giờ.

Khí, mùi phát sinh từ các bể kín (có thông nhau) của trạm xử lý nước thải được quạt hút hút qua tháp xử lý khí thải có bố trí hệ thống phun sương (dung

dịch NaOH tuần hoàn) và lớp than hoạt tính, khí thải được xử lý đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

Quy trình xử lý: Khí mùi → Tháp xử lý khí → thoát ra môi trường.

Kích thước hạng mục xử lý gồm tháp hình trụ có kích thước DxH = 1.000 x 2.500 (mm); ống thoát khí hình hộp kích thước dài x rộng x cao (mm): 190 x 160 x 1.805 (mm).

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt được thu gom vào 03 thùng đựng rác thể tích 20 lít/thùng, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường của địa phương thu gom, xử lý theo quy định;

+ Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế đổ thải tại địa điểm đã được thỏa thuận với địa phương.

+ Đất thải từ quá trình đào móng và bóc tách đất hữu cơ: Được tận dụng để trồng cây xanh thuộc dự án.

+ Thực vật từ quá trình phát quang: Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực công cộng được các hộ gia đình thải bỏ tại vị trí quy định và được công nhân tổ vệ sinh môi trường thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Bùn thải từ trạm xử lý nước thải: Hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý với đơn vị có đủ năng lực theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tại khu vực lưu giữ diện tích 10 m<sup>2</sup> đảm bảo quy định tại Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt, được phân loại, xử lý theo quy định tại đơn vị thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

Thường xuyên tiến hành kiểm tra, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống; khi xảy ra sự cố, tiến hành sửa chữa khắc phục.

#### **4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:**

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày đêm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột A giá trị C QCVN 14:2008/BTNMT.

12

Hệ thống xử lý khí, mùi phát sinh từ trạm xử lý nước thải công suất 800 m<sup>3</sup>/giờ, xử lý khí, mùi đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:**

### **5.1. Giai đoạn xây dựng:**

Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 điểm tại khu đất thực hiện Dự án.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, bụi tổng, tiếng ồn, độ rung.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

### **5.2. Giai đoạn vận hành:**

#### **a. Giám sát nước thải:**

+ Vị trí giám sát: 02 điểm (trước và sau hệ thống xử lý nước thải).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

+ Thông số giám sát: Theo QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Quy chuẩn so sánh: Cột A giá trị C QCVN 14:2008/BTNMT.

#### **b. Giám sát khí thải:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống thải.

- Các chỉ tiêu giám sát: NH<sub>3</sub>, SO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 ngày làm việc.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết hạn thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật./.

THAI BINH